

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10-01-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan;

Ông Trần Văn Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2393/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 416/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 584/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: I, tổ A, khu phố B, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Cao Xuân Đ**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: I, tổ A, khu phố B, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Cao Xuân Đ kết hôn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 1996. Quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã nhau, ông Đ đánh bà C. Vì không muốn đổ vỡ, vợ chồng đã nhiều lần trao đổi tìm cách giải quyết mâu thuẫn để xây dựng hạnh phúc nhưng không được. Bà C xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 03 con chung là chị Cao Thị Thùy D, sinh ngày 16/12/1997, chị Cao Thị Ngọc P, sinh ngày 27/10/2003, cháu Cao Ngọc Q, sinh ngày 16/4/2009. Ly hôn, bà C xin được nuôi dưỡng cháu Cao Ngọc Q, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Chị D và chị P đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Cao Xuân Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông Đ kết hôn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 1996. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã nhau, bà C ghen tuông và thường xuyên xúc phạm ông Đ. Trong lúc nóng giận ông Đ có tát bà C. Vì không muốn đổ vỡ, vợ chồng đã nhiều lần trao đổi tìm cách giải quyết mâu thuẫn để xây dựng hạnh phúc nhưng không được, bà C và ông Đ đã sống ly thân được 06 tháng. Ông Đ xác định còn tình cảm vợ chồng nên không đồng ý ly hôn với bà C.

Về con chung: Có 03 con chung là chị Cao Thị Thùy D, sinh ngày 16/12/1997, chị Cao Thị Ngọc P, sinh ngày 27/10/2003, cháu Cao Ngọc Q, sinh ngày 16/4/2009. Ly hôn, ông Đ xin được nuôi dưỡng cháu Cao Ngọc Q, không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con. Chị D và chị P đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị C ly hôn ông Cao Xuân Đ.
- Về con chung: Giao cháu Cao Ngọc Q cho bà Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời, ông Cao Xuân Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Con chung chị Cao Thị Thùy D và chị Cao Thị Ngọc P đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.
- Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Đ cư trú tại 94, tổ A, khu phố B, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập các đương sự để tham gia phiên tòa nhưng bà C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà C.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà C và ông Đ kết hôn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 1996. Vì vậy, căn cứ các Điều 5, 6 và 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, hôn nhân giữa bà C và ông Đ là hợp pháp.

Bà C và ông Đ thừa nhận vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, cãi vã và có xô xát đánh nhau. Tại phiên tòa, ông Đ thừa nhận vợ chồng đã được chính quyền địa phương hoà giải nhưng mâu thuẫn tiếp tục xảy ra, hiện nay đã sống ly thân được 06 tháng. Do đó, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cho bà C được ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Có 03 con chung là chị Cao Thị Thùy D, sinh ngày 16/12/1997, chị Cao Thị Ngọc P, sinh ngày 27/10/2003, cháu Cao Ngọc Q, sinh

ngày 16/4/2009. Chị D và chị P đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với cháu Q thì cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ khi cha mẹ ly hôn, bà C có thu nhập ổn định từ việc cho thuê nhà trọ nên Hội đồng xét xử giao cháu Q cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 5, 6 và 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C đối với bị đơn ông Cao Xuân Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị C ly hôn ông Cao Xuân Đ.

2. Về con chung:

- Giao cháu Cao Ngọc Q, sinh ngày 16/4/2009 cho bà Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời, ông Cao Xuân Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Cao Xuân Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường

hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- Con chung chị Cao Thị Thùy D, sinh ngày 16/12/1997 và chị Cao Thị Ngọc P, sinh ngày 27/10/2003 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Toà án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị C và ông Cao Xuân Đ xác định tự thỏa thuận nên Toà án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị C và ông Cao Xuân Đ xác định không có nên Toà án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004187 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Cao Xuân Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;

- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Hoàng Long